

**CÔNG TY TNHH GIA CÔNG CƠ KHÍ HÒA PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIA CÔNG CƠ KHÍ HÒA PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703044461

**3. Ngày thành lập:** 15/03/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 32, đường Trịnh Hoài Đức, tổ 5, khu phố Long Bình,  
Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0327569543

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4390        |
| 5.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                              | 4620        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                     | 4659        |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết : Bán buôn sắt, thép, inox                                                                                                                                                                                                                          | 4662        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; | 4663        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410        |
| 11. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 12. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                             | 2591        |
| 13. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại)                                                                                                                                                                                                                 | 2592(Chính) |
| 14. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết : Kho chứa hàng hóa (trừ than đá, phế liệu, hóa chất)                                                                                                                                                                                                       | 5210        |
| 16. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                      | 7730        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4221        |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4222        |
| 23. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4229        |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                          | 4299        |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: 21/08/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 341707608

Ngày cấp: 16/03/2010

Nơi cấp: CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP

Địa chỉ thường trú: *ấp Mỹ Điền, Xã Phú Điền, Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *ấp Mỹ Điền, Xã Phú Điền, Huyện Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương